









Câu bé Magozwe

Magozwe

-  Lesley Koyi
-  Wiehan de Jager
-  Phuong Nguyen
-  vietnamesisk / nynorsk
-  nivå 5

(uten bilder)

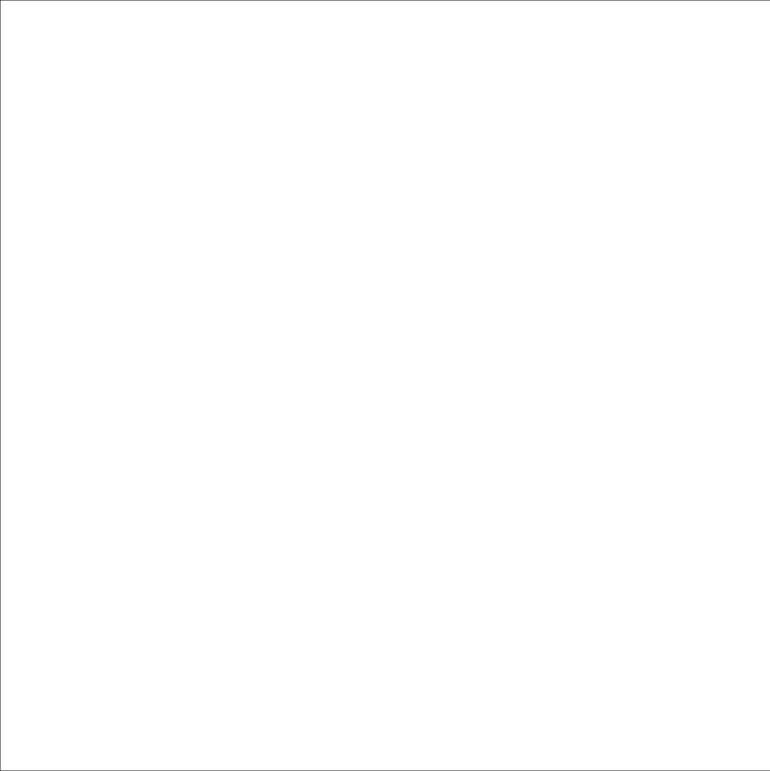




Có một nhóm những bé trai vô gia cư sống trong thành phố Nairobi bần rộ, cách xa sự quan tâm của gia đình. Chúng chào đón mỗi ngày đến. Vào buổi sáng nọ, những bé trai này xếp những tấm chiếu sau khi ngủ trên vỉa hè lạnh. Để xua tan cái lạnh, chúng dùng rác để nhóm một đống lửa. Trong số những bé trai đó có Magozwe. Nó là đứa nhỏ tuổi nhất.

...


I den travle byen Nairobi, langt frå det trygge livet heime, budde det ein gjeng heimlause gutar. Dei tok kvar dag akkurat som han kom. Ein morgon pakka gutane saman mattene sine etter at dei hadde sove på det kalde fortuet. For å fordriva kulda laga dei eit bål av søppel. Ein av gutane i gjengen var Magozwe. Han var den yngste.



Khi bố mẹ của Magozwe mất, nó chỉ mới năm tuổi. Nó tới sống cùng chú của mình. Người chú này chẳng quan tâm gì tới Magozwe cả. Ông chẳng cho Magozwe đủ thức ăn. Ông cũng bắt Magozwe làm rất nhiều việc khó nhọc.

...


Då Magozwe sine foreldre døydde, var han berre fem år. Han drog for å bu med onkelen sin. Denne mannen brydde seg ikkje om barnet. Han gav ikkje Magozwe nok mat. Han tvinga guten til å jobba hardt.



Nếu như Magozwe than phiền hay có câu hỏi gì, ông chú này liền đánh nó. Khi Magozwe hỏi nó có được đi học không, chú của nó đánh nó và nói rằng: “Mày ngốc lắm, không thể học được gì đâu.” Sau ba năm bị đối xử như thế này, Magozwe bỏ nhà chú nó ra đi. Nó bắt đầu sống trên đường phố.

...

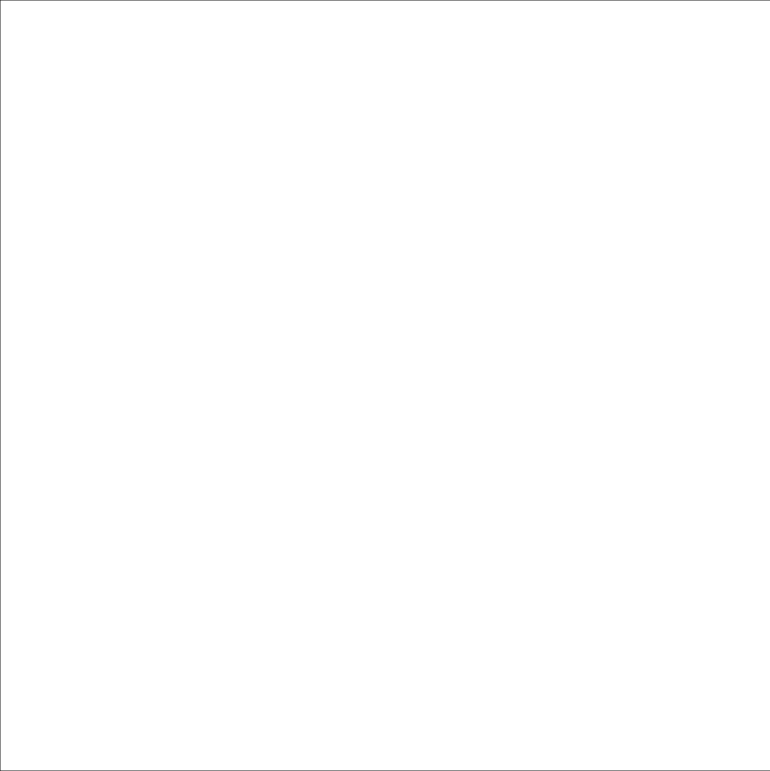
Viss Magozwe klagar eller stilte spørsmål, slo onkelen hans han. Når Magozwe spurde om han kunne gå på skulen, slo onkelen hans han og sa: “Du er for dum til å læra noko som helst.” Etter tre år med denne behandlinga rømde Magozwe frå onkelen sin. Han byrja å bu på gata.



Cuộc sống trên đường phố rất khó khăn và hầu hết những bé trai này hàng ngày đều phải chật vật chỉ để kiếm ăn. Thỉnh thoảng, chúng bị bắt. Thỉnh thoảng, chúng bị đánh. Khi chúng bị bệnh, chẳng có ai giúp cả. Chúng phụ thuộc vào số tiền ít ỏi có được từ ăn xin, bán đồ nhựa và những thứ có thể tái chế được. Cuộc sống càng khó khăn hơn bởi những trận đánh nhau giữa những nhóm đối thủ muốn quản lí một phần của thành phố.

...


Livet på gata var vanskeleg, og dei fleste gutane sleit kvar dag berre for å finna mat. Nokre gonger vart dei arrestert, andre gonger vart dei slått. Når dei vart sjuke, var det ingen som kunne hjelpa dei. Gjengen var avhengig av dei få pengane dei fekk frå å tigga og frå å selja plast og anna til resirkulering. Livet var endå vanskelegare på grunn av slåsskampar med rivaliserande gjengar som ville ha kontroll over delar av byen.



Một ngày nọ, khi Magozwe đang lục thùng rác, nó tìm thấy một quyển truyện cũ nát. Nó phủ bụi đi và để quyển truyện vào túi của mình. Sau đó, mỗi ngày, Magozwe đều mang quyển truyện ra và xem những hình vẽ trong đó. Nó không biết đọc chữ.

...

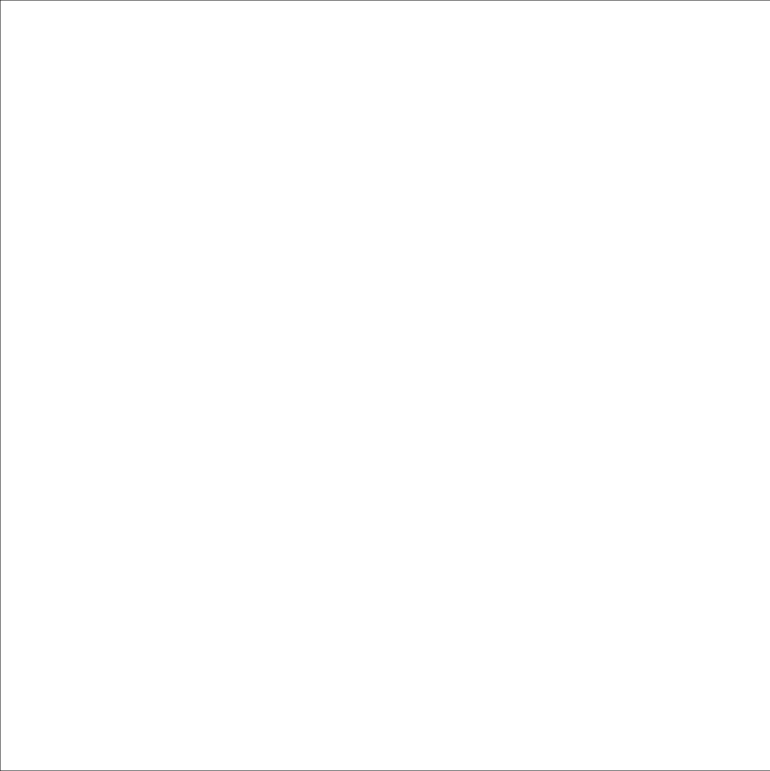
Ein dag medan Magozwe leitte i nokre søppelbøtter, fann han ei gammal fillete barnebok. Han fjerna møkka frå ho og la den i sekken sin. Kvar påfølgjande dag tok han ut boka og såg på bileta. Han visste ikkje korleis han skulle lesa orda.



Những hình vẽ kể câu chuyện về một cậu bé lớn lên làm phi công. Magozwe mơ một ngày được làm phi công. Thỉnh thoảng, nó tưởng tượng rằng mình là cậu bé trong truyện.

...

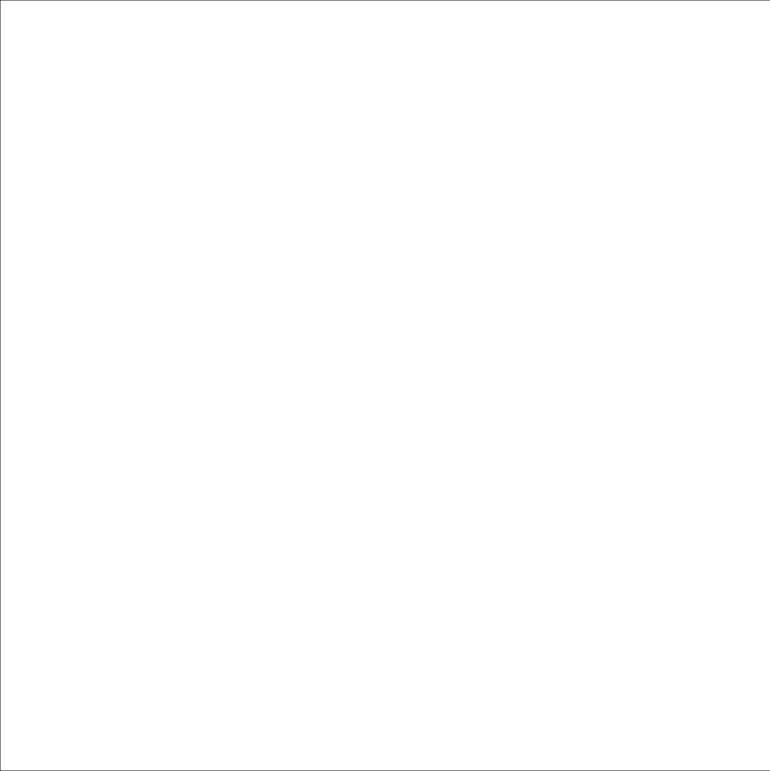
Bileta fortalde forteljinga om ein gut som voks opp til å verta pilot. Magozwe brukte å dagdrøyma om å verta pilot. Nokre gonger innbilte han seg at han var guten i forteljinga.



Trời rất lạnh và Magozwe đang đứng ăn xin trên đường. Một người đàn ông đi tới chỗ của nó. Người đàn ông nói: “Xin chào. Chú là Thomas. Chú làm việc gần đây, ở một nơi mà cháu có thể có cái gì để ăn.” Ông này chỉ vào một ngôi nhà màu vàng có mái màu xanh da trời. Ông nói: “Chú hi vọng là cháu sẽ tới đó để lấy một ít thức ăn?” Magozwe nhìn người đàn ông, và sau đó nhìn ngôi nhà. Nó nói: “Có thể lắm”, và sau đó bỏ đi.

...


Det var kaldt og Magozwe stod langs vegen og tagg. Ein mann gjekk bort til han. “Hei, eg heiter Thomas. Eg bur i nærleiken, på ein stad der du kan få deg noko å eta”, sa han og peikte på eit gult hus med blått tak. “Eg håpar du dreg dit for å få deg litt mat?” spurde han. Magozwe såg på han, og deretter på huset. “Kanskje”, sa han og gjekk.



Nhiều tháng sau đó, những bé trai vô gia cư này quen với việc thấy Thomas quanh đó. Thomas thích trò chuyện với người khác, đặc biệt là những người sống trên đường phố. Thomas lắng nghe những câu chuyện về cuộc sống của những người này. Ông rất nghiêm túc và kiên nhẫn, không bao giờ thô lỗ hay bất kính đối với người khác. Một vài bé trai cũng bắt đầu tới ngôi nhà màu xanh, vàng để lấy thức ăn lúc giữa ngày.

...

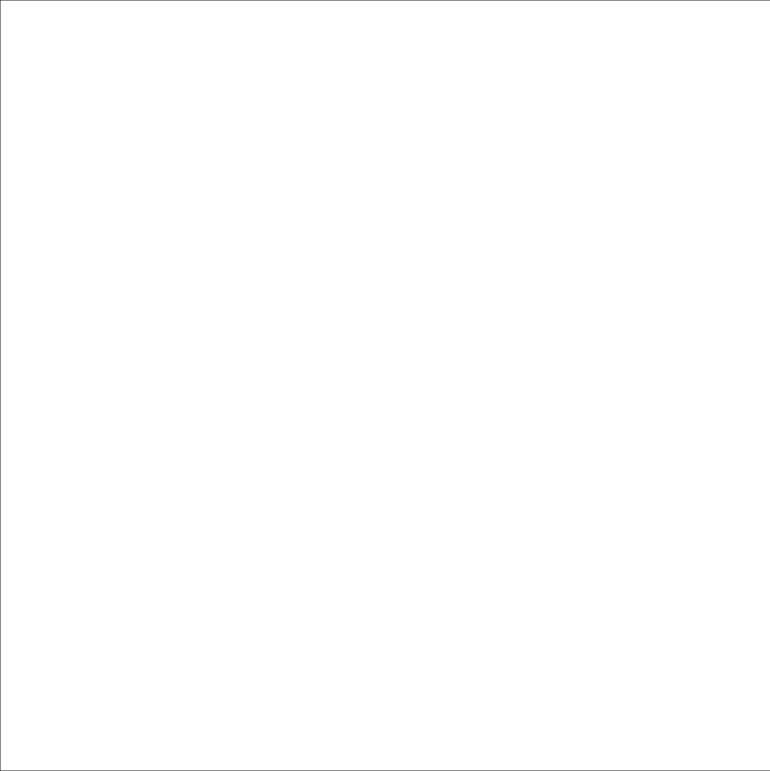
I månedene som følgde vart dei heimlause gutane vande til å sjå Thomas. Han likte å snakka med folk, spesielt dei som budde på gata. Thomas høyrde på forteljingar om liva til folk. Han var seriøs og tolmodig, aldri frekk eller respektlaus. Nokon av gutane byrja å dra til det gule og blå huset for å få mat midt på dagen.



Magozwe đang ngồi trên vỉa hè đọc quyển sách hình thì Thomas tới ngồi bên cạnh nó. Thomas hỏi: “Quyển sách này nói về cái gì thế?” Magozwe trả lời: “Nó kể về một cậu bé muốn trở thành phi công.” Thomas hỏi: “Cậu bé đó tên gì?” Magozwe nói nhỏ: “Cháu không biết. Cháu không biết đọc.”

...


Magozwe sat på fortauet og kika i biletboka då Thomas kom og sette seg ved sida av han. “Kva handlar forteljinga om?” spurde Thomas. “Ho handlar om ein gut som vert pilot”, svara Magozwe. “Kva heiter guten?” spurde Thomas. “Eg veit ikkje, eg kan ikkje lesa”, svara Magozwe lågt.



Khi họ gặp nhau, Magozwe bắt đầu kể chuyện của mình cho Thomas nghe. Đó là câu chuyện về chú của nó và vì sau nó bỏ nhà đi. Thomas không nói nhiều và cũng không bảo Magozwe phải làm gì, nhưng ông luôn lắng nghe rất chăm chú. Thỉnh thoảng, họ cũng trò chuyện trong lúc ăn ở ngôi nhà có mái màu xanh da trời.

...


Då dei møttest, byrja Magozwe å fortelja si eiga historie til Thomas. Det var historia om onkel hans og kvifor han rømde heimanfrå. Thomas snakka ikkje mykje, og han sa ikkje til Magozwe kva han skulle gjera, men han lytta alltid oppmerksomt. Nokre gonger snakka dei saman medan dei åt i det gule huset med det blå taket.



Vào khoảng sinh nhật mười tuổi của Magozwe, Thomas cho nó một quyển truyện mới. Quyển truyện này về một cậu bé ở trong làng nhưng lớn lên trở thành một cầu thủ bóng đá rất nổi tiếng. Thomas đọc câu chuyện này cho Magozwe rất nhiều lần, cho đến một ngày nọ, ông nói: “Chú nghĩ đã đến lúc cháu đi đến trường và học cách đọc. Cháu nghĩ thế nào?” Thomas giải thích rằng ông biết có một nơi mà trẻ con có thể đến ở và đi học.

...


Omkring Magozwes tiande fødselsdag gav Thomas han ei ny barnebok. Det var forteljinga om ein landsbygut som voks opp til å verta ein berømt fotballspelar. Thomas las den forteljinga for Magozwe mange gonger, heilt til han ein dag sa: “Eg synest det er på tide at du går på skulen og lærer å lesa. Kva synest du?” Thomas forklarte at han visste om ein stad der born kunne bu og gå på skule.



Magozwe suy nghĩ về nơi ở mới này và về việc đi học. Nếu chú nó nói đúng rằng nó gốc quá không thể học gì được thì sao? Nếu người ta đánh nó ở chỗ mới này thì sao? Nó cảm thấy sợ. Nó nghĩ rằng: “Có thể tốt hơn là nên sống trên đường phố.”

...

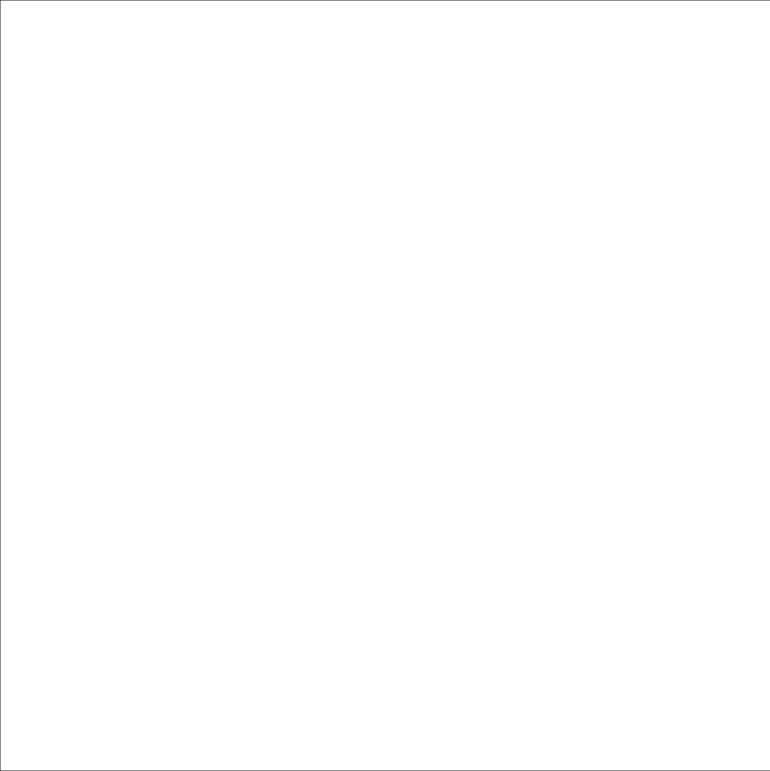
Magozwe tenkte på denne nye staden og på å gå på skulen. Kva om onkelen hans hadde rett og han var for dum til å læra noko? Kva om dei slo han på denne nye staden? Han var redd. “Kanskje det er betre å bu på gata”, tenkte han.



Nó chia sẻ những nỗi sợ này với Thomas. Sau một thời gian, Thomas cũng trấn an Magozwe là cuộc sống sẽ tốt hơn ở chỗ mới.

...

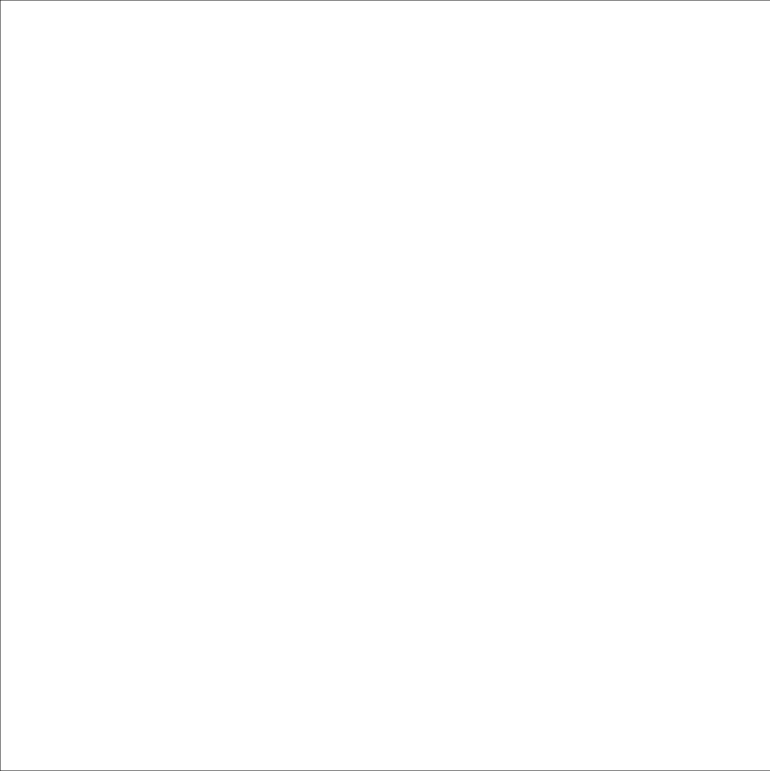
Han snakka om det han var redd for med Thomas. Med tida forsikra mannen guten om at livet kunne verta betre på den nye staden.



Và thế là Magozwe dọn đến ở trong một căn phòng trong ngôi nhà có mái màu xanh lá cây. Nó ở cùng phòng với hai đứa con trai khác. Tổng cộng có mười đứa con trai sống trong căn nhà đó cùng với cô Cissy và chồng cô, ba con chó, một con mèo, và một con dê già.

• • •


Dermed flytta Magozwe inn i eit rom i eit hus med grønt tak. Han delte rommet med to andre gutar. Til saman var det ti born som budde i det huset. Saman med tanta Cissy og mannen hennar, tre hundar, ein katt og ei gammal geit.



Magozwe bắt đầu đi học và thấy rất khó. Nó phải đuổi theo rất nhiều bài. Có khi nó muốn bỏ cuộc. Nhưng nó nghĩ về chú phi công và cầu thủ bóng đá trong truyện. Giống như những người này, nó không bỏ cuộc.

...

Magozwe byrja på skulen, og det var vanskeleg. Han hadde mykje å ta att. Av og til ville han gje opp. Men han tenkte på piloten og fotballspelaren i barnebøkene. Som dei gav han ikkje opp.



Magozwe đang ngồi trong sân căn nhà có mái màu xanh lá cây đọc một quyển truyện từ trường. Thomas đi đến và ngồi bên cạnh nó. Thomas hỏi: “Câu chuyện kể về cái gì vậy?” Magozwe trả lời: “Nó kể về một cậu bé trở thành giáo viên.” Thomas hỏi: “Cậu bé đó tên gì?” Magozwe mỉm cười và nói: “Tên cậu bé là Magozwe.”

...

Magozwe sat på turet ved huset med det grønne taket og las ei barnebok frå skulen. Thomas kom og sat seg ved sida av han. “Kva handlar forteljinga om?” spurde Thomas. “Ho handlar om ein gut som vert lærar”, svara Magozwe. “Kva heiter guten?” spurde Thomas. “Han heiter Magozwe”, svara Magozwe med eit smil.



Barnebøker for Norge

barneboker.no

Câu bé Magozwe

Magozwe

Skrevet av: Lesley Koyi

Illustret av: Wiehan de Jager

Oversatt av: Phuong Nguyen (vi), Espen Stranger-Johannessen, Martine Rørstad Sand (nn)

Denne fortellingen kommer fra African Storybook (africanstorybook.org) og er videreformidlet av Barnebøker for Norge (barneboker.no), som tilbyr barnebøker på mange språk som snakkes i Norge.

Dette verket er lisensiert under en Creative Commons
[Navngivelse 4.0 Internasjonal Lisens](https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/).